

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 299/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Hòa Phúc
2. Bà Mai Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Bích T (tên gọi khác: R), sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ X, ấp Kinh A, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn U, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:
- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích Tuyền và anh Nguyễn Văn U kết hôn vào năm 2007, anh chị có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung với gia đình của chị T tại Kiên Giang. Trong thời gian chung sống, anh U thường xuyên nhậu nhẹt về nhà đánh đập chị T và có nhiều lời xúc phạm chị T và gia đình chị T nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn, chị T nhận thấy anh chị không thể tiếp tục chung sống với

nhau nên yêu cầu ly hôn với anh U.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 29-4-2009 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 10-5-2012. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn anh Nguyễn Văn U nhưng anh U đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án tiến hành các thủ tục xác minh, lấy lời khai nhưng bị đơn không có mặt tại nhà khi cán bộ Tòa án đến, nên không lấy được lời khai của bị đơn.

* Tại phiên tòa:

- Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh U. Trước đây hai cháu T1 và L ở với chị T, thời gian gần đây hai cháu đi theo anh U sống, nên chị đồng ý giao hai con cho anh U nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ *Về chấp hành pháp luật*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T, giao cháu T1 và cháu L cho anh U tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Thủ tục tố tụng*:

1.1 *Quan hệ tranh chấp*: Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Văn U là tranh chấp về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 *Thẩm quyền giải quyết*: Tại biên bản xác minh ngày 26-6-2019, Công an xã V, huyện C, tỉnh An Giang xác định: anh Nguyễn Văn U hiện đang có đăng ký hộ khẩu tại ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 *Về sự có mặt của đương sự*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] *Về nội dung tranh chấp*:

2.1 *Về hôn nhân*: Năm 2007, chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Văn U tổ chức đám cưới và chung sống với nhau, đến năm 2019 thì chị T có yêu cầu ly hôn. Chị T trình bày hai chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của

Luật Hôn nhân và gia đình, Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang và Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang đều xác nhận anh Nguyễn Văn U và chị Nguyễn Thị Bích T không có thông tin đăng ký kết hôn tại hồ sơ hộ tịch được lưu trữ. Chị T xác định chị không còn tình cảm với anh U nên yêu cầu được ly hôn, anh U tuy không có ý kiến trình bày nhưng tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 07-3-2019 anh U làm đơn yêu cầu Ủy ban xã V xác nhận anh và chị Tuyên chưa đăng ký kết hôn để anh bỏ tức hồ sơ ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị T và anh U không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn nên áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận chị T và anh U là vợ chồng.

2.2 Về con chung: Chị T trình bày, chị và anh U có hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 29-4-2009 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 10-5-2012. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình phải xem xét nguyện vọng của con, tuy nhiên vào ngày 28-6-2019 và ngày 26-6-2019, Tòa án đã đến nhà anh U để gặp hai cháu, để nghe hai cháu trình bày nguyện vọng nhưng đều không gặp được. Chị T trình bày, khi hai cháu đang ở nhà chị thì anh U đến thăm con và hai cháu tự nguyện về sống chung với anh U, tại phiên tòa hôm nay chị T cũng đồng ý cho anh U được quyền tiếp tục nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 15, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao hai cháu T và L cho anh U tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh U không có văn bản trình bày yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không buộc chị L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này. Tuy nhiên, anh U có quyền khởi kiện buộc chị T cấp dưỡng nuôi con bằng vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

Anh U và gia đình phải tạo điều kiện cho chị T trong việc thực hiện nghĩa vụ, quyền của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc nuôi con có thể bị thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T.

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Văn U là vợ chồng.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn U được quyền nuôi con chung Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 29-4-2009 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 10-5-2012.

Chị Nguyễn Thị Bích T không cấp dưỡng nuôi con do anh Nguyễn Văn U không yêu cầu.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con.

2. *Về án phí sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014157 ngày 27-3-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Bích T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15-8-2019). Anh Nguyễn Văn U được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Giao